

Bản án số: 08/2021/DS-ST

Ngày 02 tháng 4 năm 2021

V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng

Bà Lê Thị Nhớ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2020/TLST-DS ngày 13/10/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2021/QĐXXST-DS ngày 05/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2021/QĐST-DS ngày 05/3/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP T**; Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 đường N, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1983; chức vụ: Chuyên viên Quản lý nợ - Phòng kiểm soát rủi ro; Địa chỉ: Số 130A- 130-132 đường Đ, phường C, quận C, thành phố Đà Nẵng (theo Quyết định về việc ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 3977/2020/GUQ-PL ngày 28/12/2020 và Giấy ủy quyền số 641/2021/UQ-CNĐN ngày 01/01/2021 của Giám đốc Ngân hàng TMCP T - chi nhánh N); có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ**; sinh năm 1976; Địa chỉ: K368/12 đường V, tổ 39, phường H, quận K, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ông Nguyễn Văn N trình bày:**

Ngày 27/3/2015, ông Nguyễn Văn Đ có ký với Ngân hàng TMCP T 01 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của ông Đ, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Đ đã thực hiện 24 giao dịch với số tiền: 49.499.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 47.440.000 đồng. Trong đó: thanh toán gốc: 44.085.022 đồng, lãi + phí phát sinh: 3.354.978 đồng. Lãi suất áp dụng: 2.15%/tháng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Đ vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/6/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 02/4/2021, ông Nguyễn Văn Đ còn nợ ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc 5.413.978 đồng, lãi quá hạn 6.866.315 đồng, tổng cộng 12.280.293 đồng (Bằng chữ: Mười hai triệu hai trăm tám mươi ngàn hai trăm chín mươi ba đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp và yêu cầu ông Đ có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông Đ trả nợ, tuy nhiên ông Đ vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do vậy Ngân hàng TMCP T đề nghị Tòa án tuyên buộc ông Nguyễn Văn Đ phải thanh toán nợ vay cho Ngân hàng TMCP T số tiền nợ gốc và lãi phát sinh: 12.280.293 đồng tính đến ngày 02/4/2021 (Trong đó nợ gốc: 5.413.978 đồng, lãi phát sinh: 6.866.315 đồng). Và lãi quá hạn phát sinh tiếp theo tính từ ngày 03/4/2021 theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) đã ký vào ngày 27/3/2015 trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi ông Đ thanh toán xong khoản nợ.

*** Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng**

trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Nguyễn Văn Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP T số tiền là 12.280.293 đồng tính đến ngày 02/4/2021 (Trong đó nợ gốc: 5.413.978 đồng, lãi phát sinh: 6.866.315 đồng) và lãi quá hạn phát sinh tiếp theo tính từ ngày 03/4/2021 theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký vào ngày 27/3/2015 trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi ông Đ thanh toán xong khoản nợ và phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng do ông Nguyễn Văn Đ đăng ký ngày 27/3/2015 và được Ngân hàng phê duyệt ngày 03/4/2015 để ông Đ được sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng với hạn mức 10.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2,15%/tháng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Nguyễn Văn Đ không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng, ông thực hiện đợt thanh toán cuối cùng vào ngày 31/3/2018 nên ngày 01/6/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Do đó, ngày 22/7/2020, Ngân hàng TMCP T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền là 10.802.013 đồng (trong đó, số tiền gốc là 5.413.978 đồng và lãi quá hạn là 5.388.035 đồng) cùng tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận và phải chịu mọi chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Ngân hàng TMCP T yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn Đ phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 12.280.293 đồng (Trong đó nợ gốc 5.413.978 đồng, lãi phát sinh 6.866.315 đồng tính đến ngày 02/4/2021). Việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần lãi như trên là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

[4] Đối với bị đơn – ông Nguyễn Văn Đ: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử không có mặt theo giấy triệu tập; thông báo của Tòa án, không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên họp kiểm

tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia các phiên hoà giải và cũng không tham gia phiên toà nên không có ý kiến lưu hồ sơ vụ án.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T thì thấy: Căn cứ "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng" của Ngân hàng phê duyệt cho ông Nguyễn Văn Đ hạn mức sử dụng thẻ tín dụng cũng như Bản tóm tắt sao kê thẻ hiện các lần giao dịch cũng như thanh toán của ông Nguyễn Văn Đ trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định Ngân hàng TMCP T đã cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Văn Đ, hạn mức thẻ: 10.0000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 2,15%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn. Tính đến ngày 02/4/2021, ông Nguyễn Văn Đ còn nợ Ngân hàng số tiền là 12.280.293 đồng (Trong đó nợ gốc 5.413.978 đồng, lãi phát sinh 6.866.315 đồng tính đến ngày 02/4/2021). Đây là Hợp đồng tín dụng, có nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên khi ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền khởi kiện. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; cần buộc ông Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với số tiền còn nợ như trên cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 471, khoản 1, khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 và các Điều 91, 98 Luật các Tổ chức tín dụng 2010.

[6] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn – ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 12.280.293 đồng x 5% ~ 614.015 đồng.

[7] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 63, 147, 180, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 305, 401, 405, 471 và khoản 1, khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 91, 98 Luật các Tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP T đối với ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP T số tiền là 12.280.293đ (*Mười hai triệu hai trăm tám mươi ngàn hai trăm chín mươi ba đồng*), bao gồm: Nợ gốc 5.413.978 đồng, lãi phát sinh 6.866.315 đồng tính đến ngày 02/4/2021.

Kể từ ngày 03/4/2021 mà bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ của mình thì số tiền lãi tiếp tục phát sinh cho đến ngày thanh toán hết mọi khoản nợ với mức lãi suất theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng " của Ngân hàng TMCP T.

2. Án phí và chi phí tố tụng khác:

- Án phí Dân sự sơ thẩm: 614.015đ (*Sáu trăm mười bốn ngàn không trăm mười lăm đồng*), ông Nguyễn Văn Đ phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0002267 ngày 13-10-2020.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngọc Hà